

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa

Ngày 15/01/2024	36,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.0%	7.8%	-

DT thuần
Q4/23

291
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 72.0 | 33.0%
YoY: ▼ 64.0 | -18.0%

LN thuần
Q4/23

58.7
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 33.2 | 130%
YoY: ▼ 42.3 | -41.9%

LN sau thuế
Q4/23

56.3
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 35.8 | 175%
YoY: ▼ 44.7 | -44.3%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023

17.3%

YoY: +/- ▲ 19.1%

ROE
2023

25.2%

YoY: +/- ▲ 29.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	25,696 - 42,729
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,691
Số lượng CPLH (CP)	46,720,560
KLGD BQ 20 phiên (CP)	148,475
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.59
EPS	3,062
P/E	11.8

DT thuần
2023

1,003
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 272 | -21.3%

LN thuần
2023

157
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 79.0 | -33.4%

LN sau thuế
2023

143
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 166 | 715%

Cơ cấu cổ đông

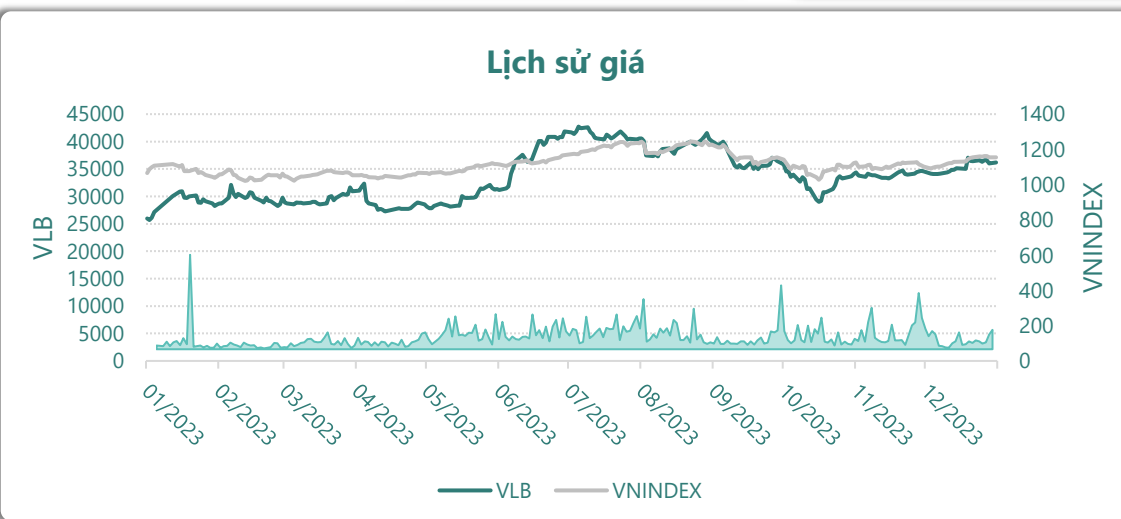
- Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - TNHH MTV
- Công ty TNHH Đầu tư KSB
- CTCP Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa
- Nguyễn Xuân Việt
- Phạm Thái Hợp (Phó Giám đốc)

(Nguồn: fireant.vn)

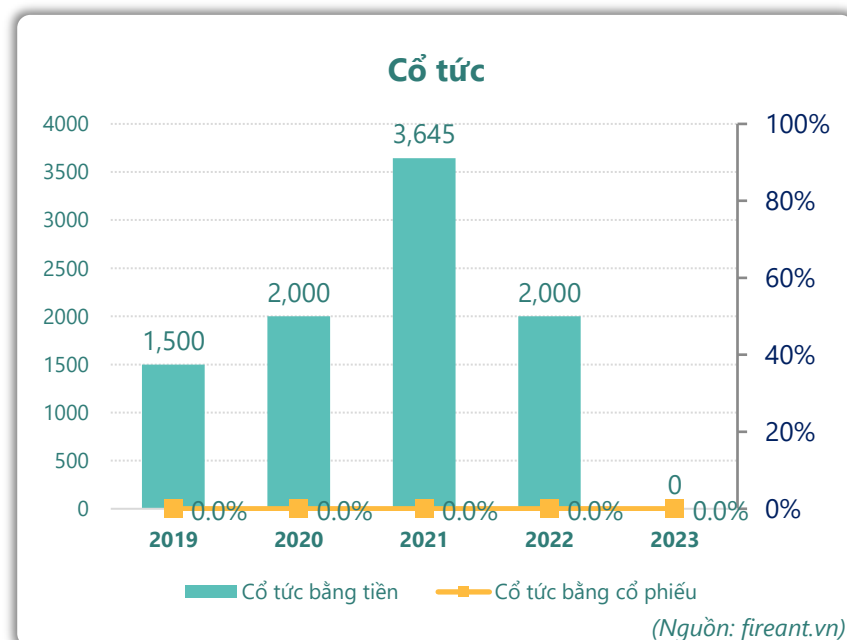
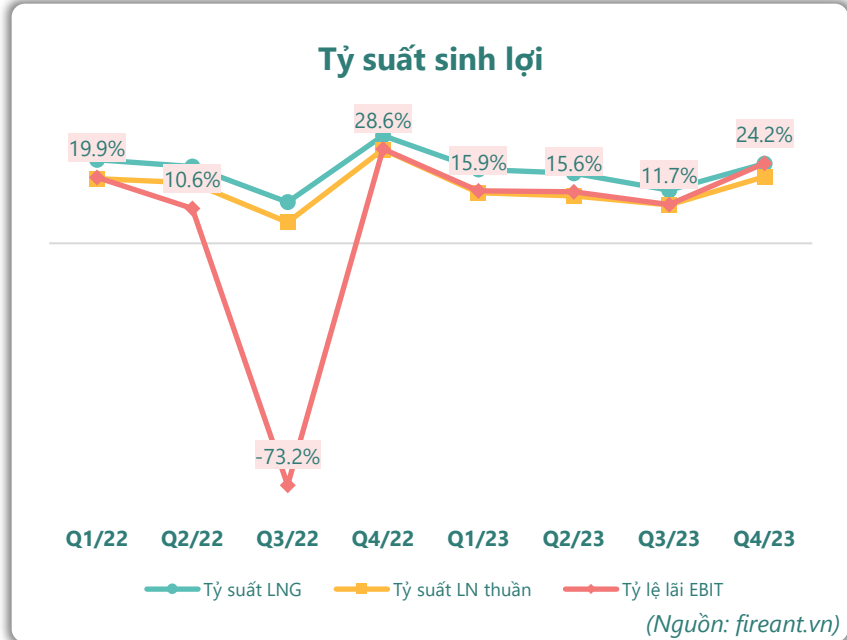
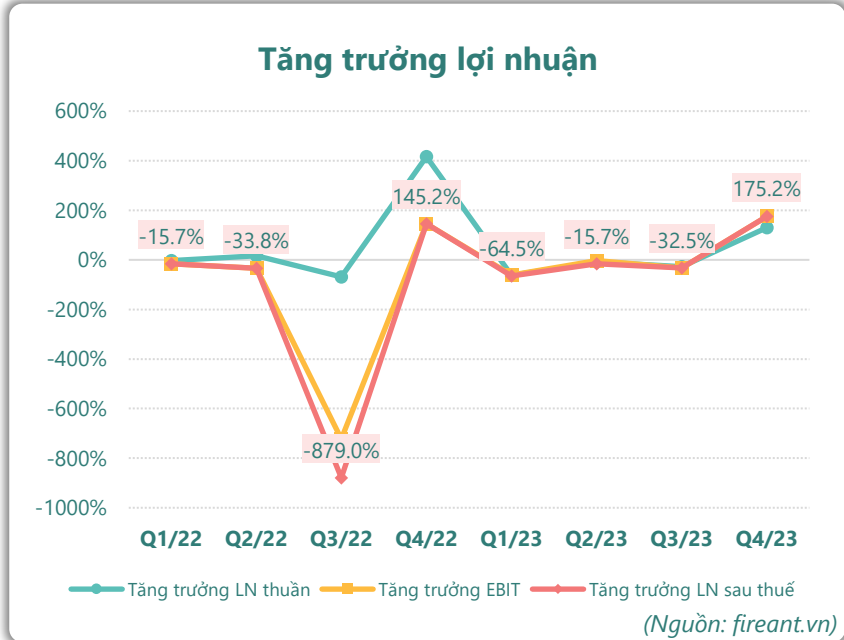
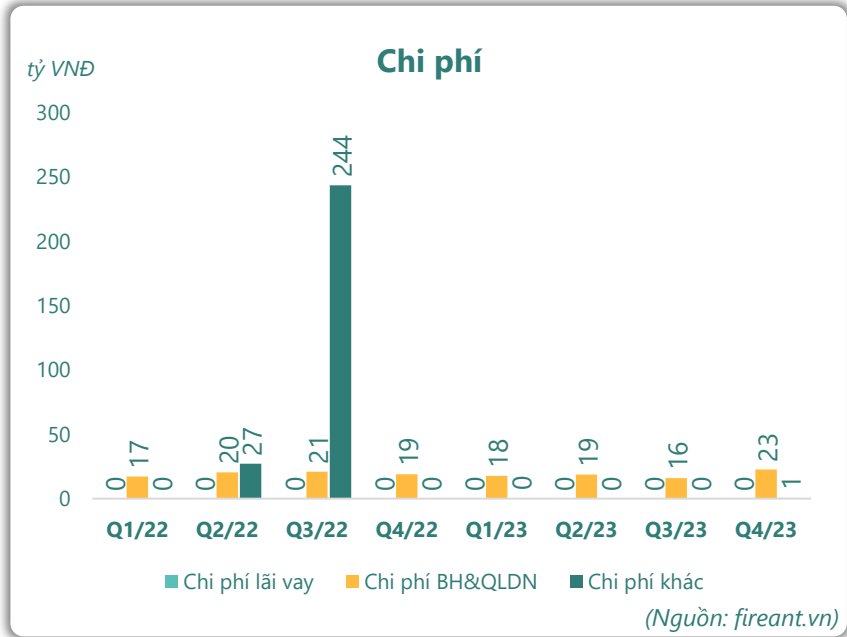
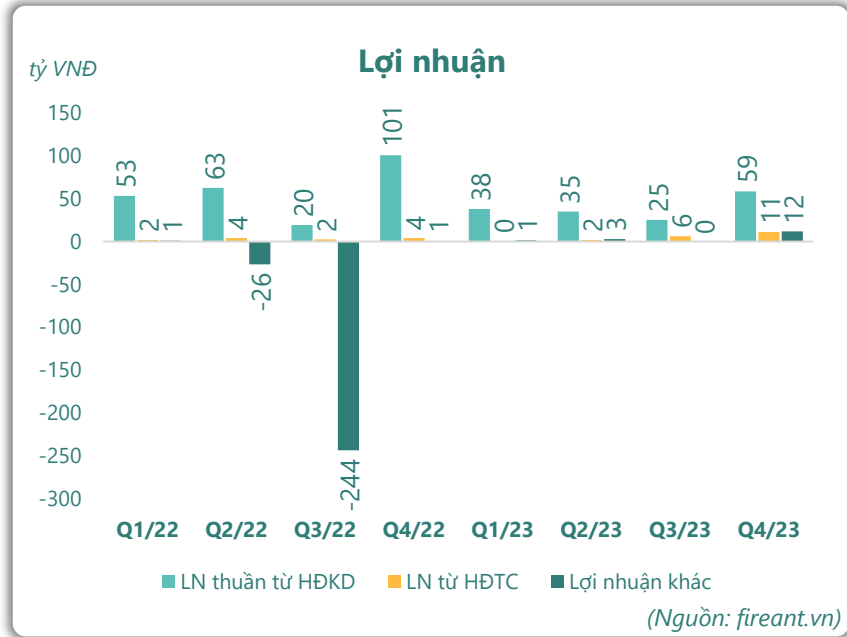
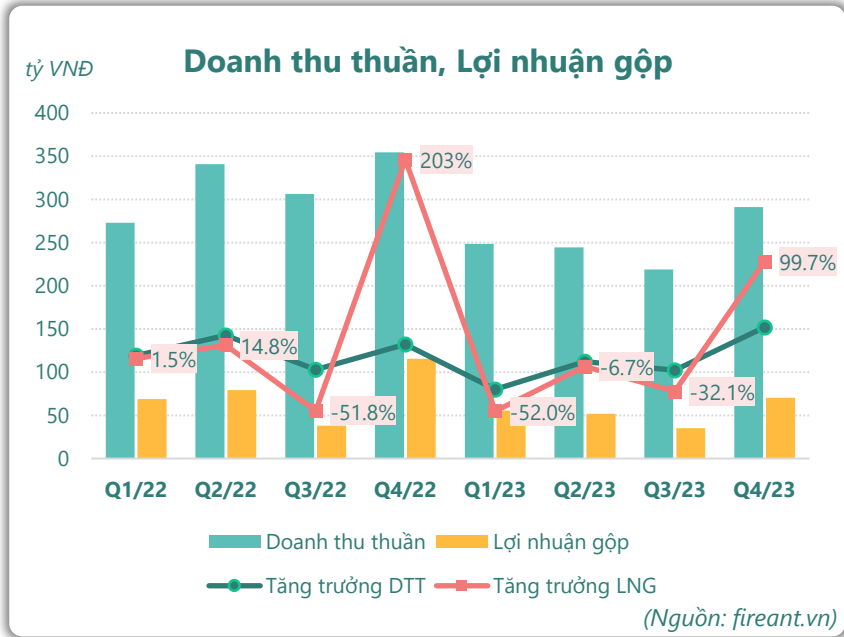
Cơ cấu sở hữu

- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

(Nguồn: fireant.vn)



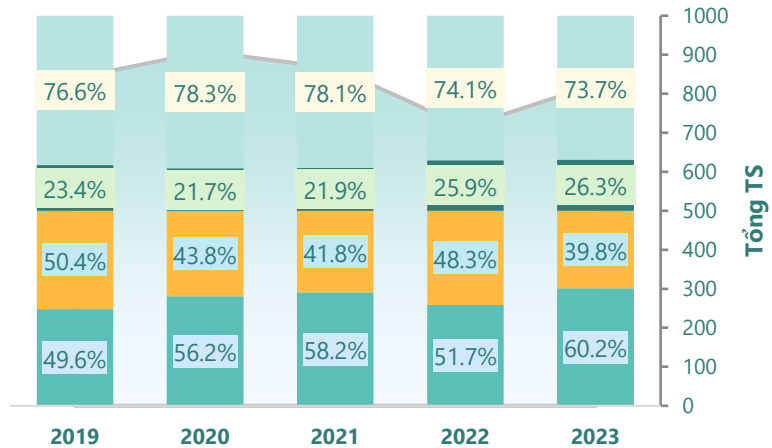
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

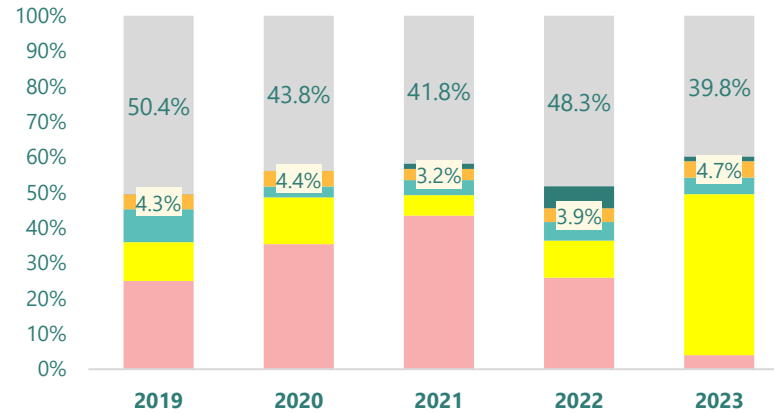
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản
 ■ TS ngắn hạn
 ■ TS dài hạn
 ■ Nợ phải trả
 ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

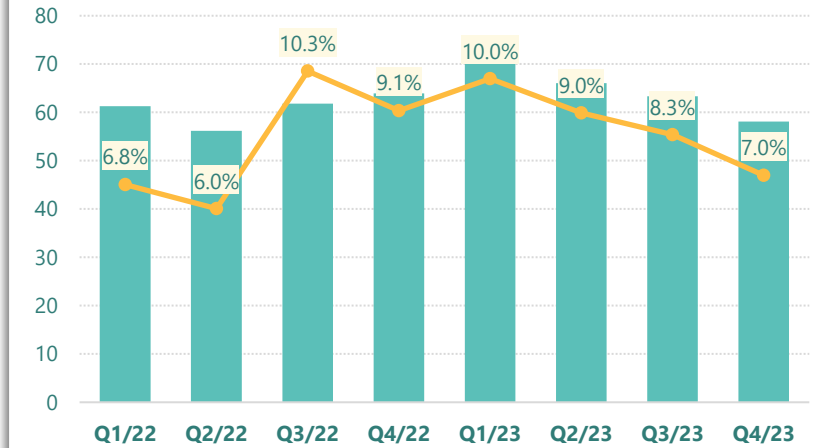


■ Tiền và tương đương tiền
 ■ Đầu tư tài chính ngắn hạn
 ■ Phải thu ngắn hạn
 ■ Hàng tồn kho
 ■ Tài sản ngắn hạn khác
 ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

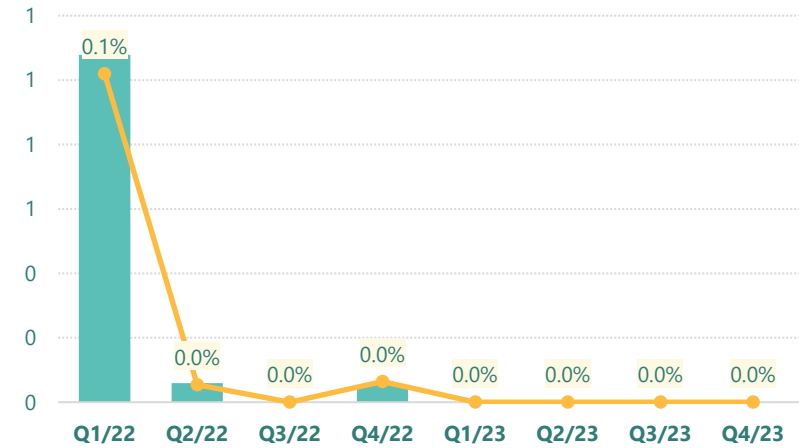


■ Tài sản cố định
 —●— TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

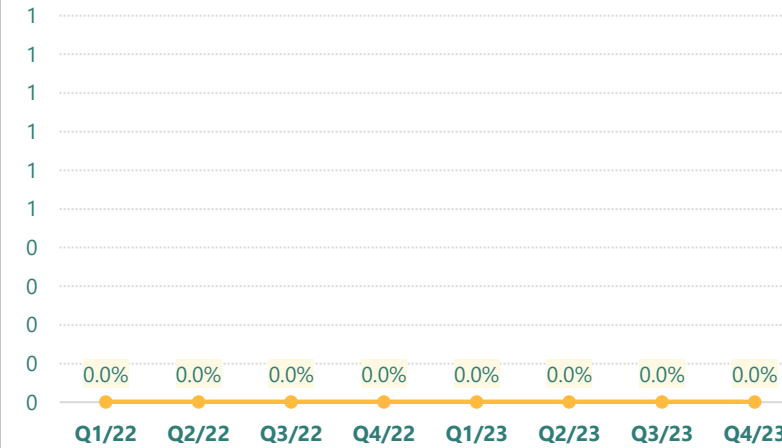


■ Tài sản dở dang
 —●— TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

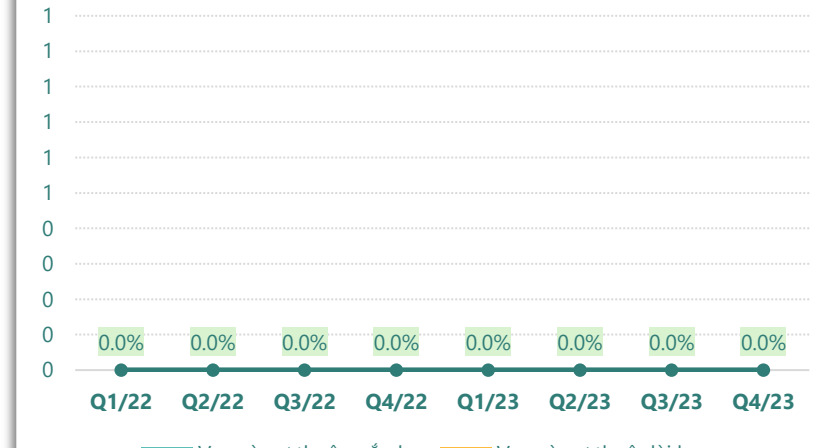


■ Đầu tư tài chính dài hạn
 —●— ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

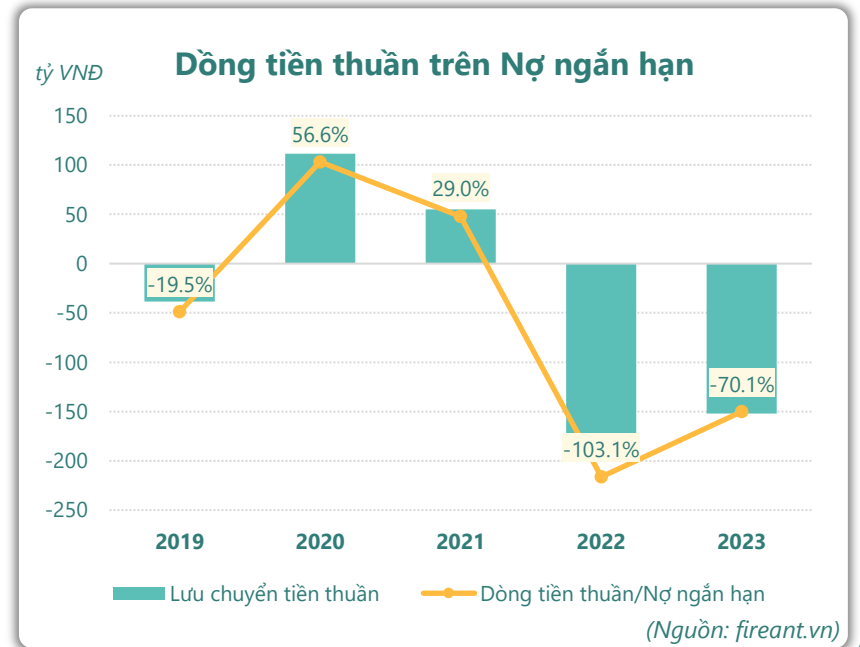
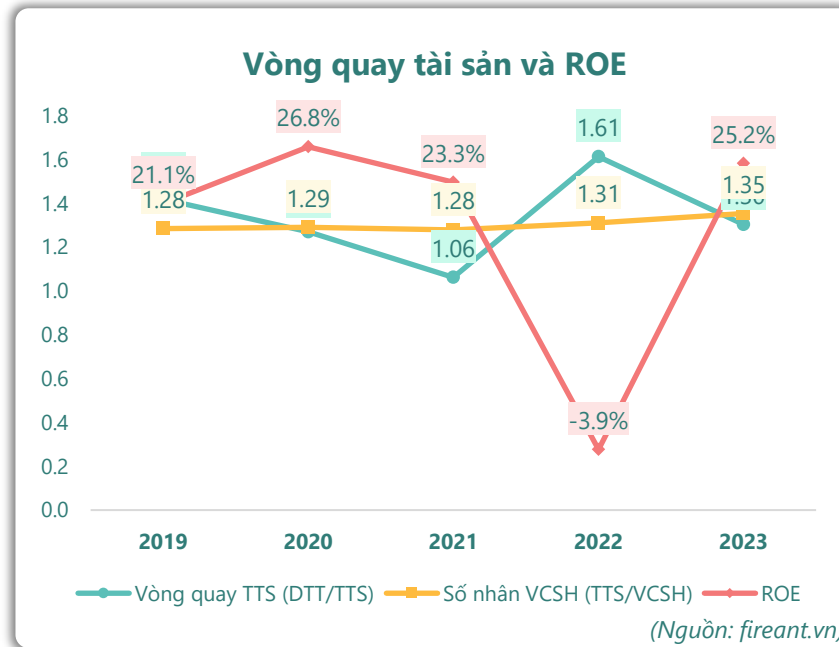
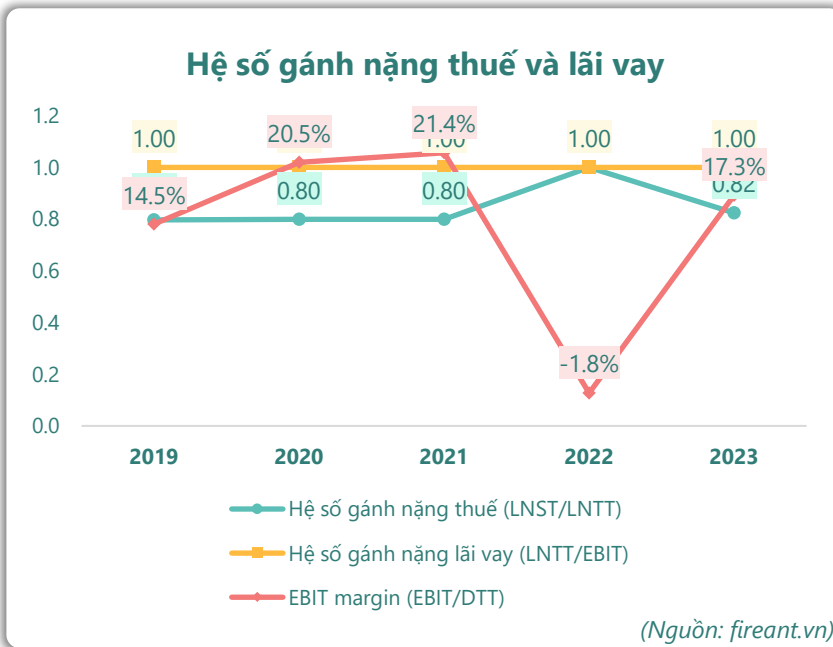
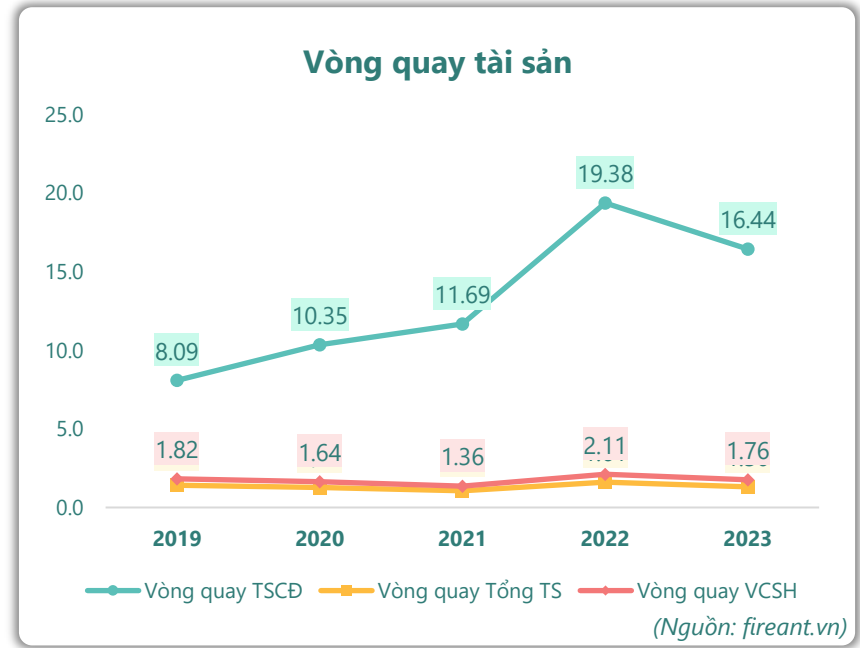
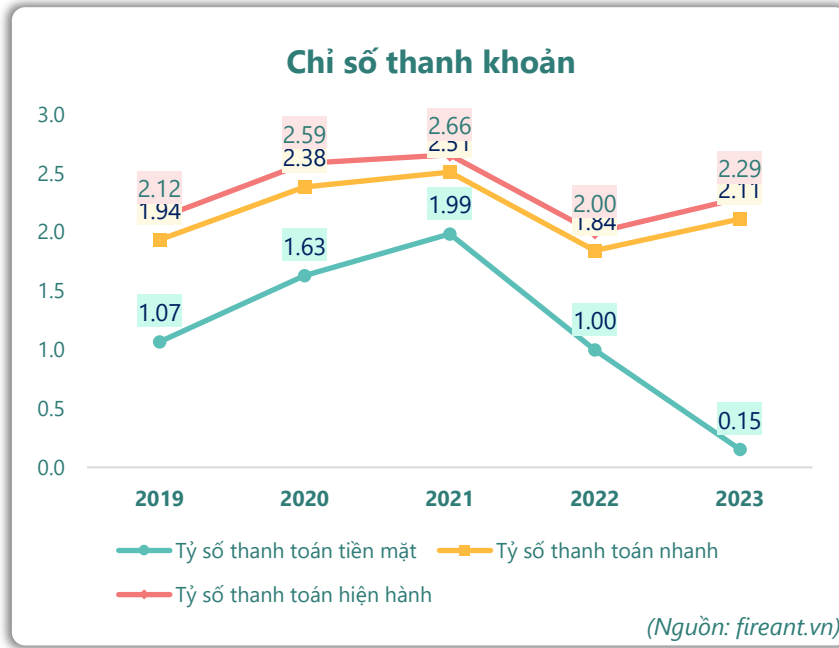
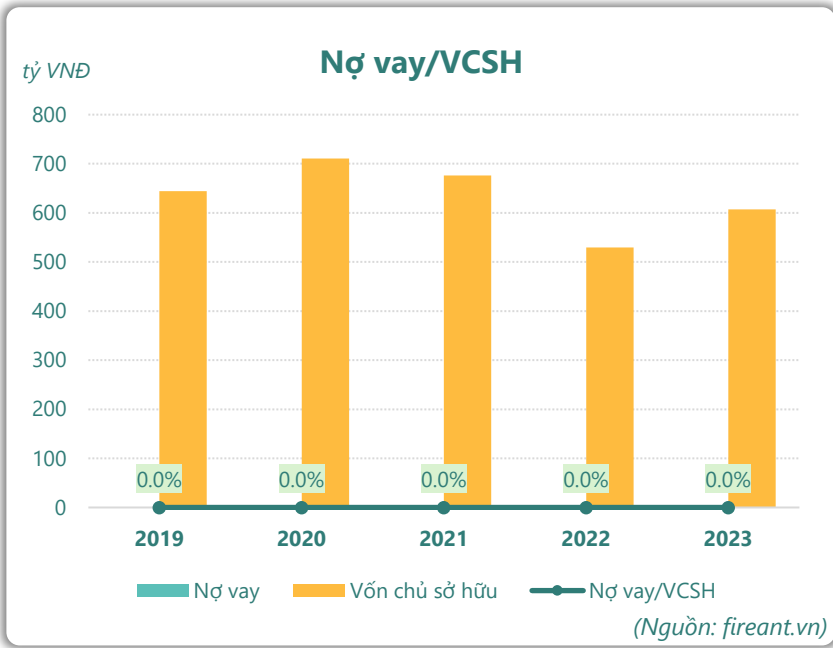


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn
 ■ Vay và nợ thuê dài hạn
 —●— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	291	355	-18.0%	1,003	1,275	-21.3%
Giá vốn hàng bán	221	239	-7.5%	791	973	-18.7%
Lợi nhuận gộp	70.2	116	-39.5%	213	302	-29.5%
Doanh thu HĐTC	11.1	4.10	171%	19.6	12.2	60.3%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	3.09	4.33	-28.6%	13.7	18.5	-25.9%
Chi phí QLDN	19.5	14.7	32.8%	61.3	59.3	3.4%
LN thuần từ HĐKD	58.7	101	-41.9%	157	236	-33.4%
Lợi nhuận khác	11.7	0.62	1788%	16.2	-259	106%
LN trước thuế	70.4	101	-30.3%	173	-23.3	846%
Lợi nhuận sau thuế	56.3	101	-44.3%	143	-23.3	715%
LNST của CĐ cty mẹ	56.3	101	-44.3%	143	-23.3	715%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-250	88.2	20.3	32.0	25.4	68.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-34.4	-40.0	-131	-85.4	-31.6	-49.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-93.5	0	-0.51	0	0	0
Tiền đầu kỳ	514	137	185	74.2	20.8	14.6
Lưu chuyển tiền thuần	-377	48.2	-111	-53.4	-6.20	18.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	137	185	74.2	20.8	14.6	33.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	824	715	15.3%
Tài sản ngắn hạn	496	370	34.2%
Tiền và tương đương tiền	33.2	185	-82.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	375	75.0	400%
Phải thu ngắn hạn	38.5	37.3	3.1%
Hàng tồn kho	38.6	28.1	37.3%
Tài sản ngắn hạn khác	11.0	44.2	-75.1%
Tài sản dài hạn	328	345	-5.0%
Phải thu dài hạn	31.7	30.7	3.1%
Tài sản cố định	58.1	63.9	-9.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.05	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	238	250	-4.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	217	185	16.9%
Nợ ngắn hạn	217	185	16.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	23.5	34.9	-32.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	607	530	14.7%
Vốn chủ sở hữu	607	530	14.7%
Vốn điều lệ	469	470	-0.2%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)